

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp Bác sĩ Y học cổ truyền chương trình đào tạo chính quy
(Đợt 1 – Năm 2025)

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1664/QĐ-HVYDCT ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp đại học năm 2025;

Căn cứ biên bản cuộc họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học năm 2025;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học năm 2025, Trưởng phòng Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Bác sĩ Y học cổ truyền chương trình đào tạo chính quy, đợt 1 năm 2025 cho 404 sinh viên (Có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng: Đào tạo đại học, Công tác chính trị và quản lý sinh viên, Tài chính kế toán; các phòng, ban liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế (để b/c);
- Đăng website;
- Lưu: VT, ĐTĐH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Huy

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, KHOA: 2019, NGÀNH: Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Kèm theo Quyết định số 284 /QĐ-HVVDCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
1	195115C273	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	27/08/2001	Nữ	Tỉnh Hưng Yên	K2019C	Kinh	3.44	8.31	88	Tốt	Giỏi
2	195115A022	THÁI ANH	07/05/2001	Nữ	Thành phố Hà Nội	K2019A	Kinh	3.40	8.30	90	Xuất sắc	Giỏi
3	195115B158	TẠ BẢO CHÁU	16/12/2001	Nữ	Thành phố Hà Nội	K2019B	Kinh	3.40	8.19	90	Xuất sắc	Giỏi
4	195115B164	TRẦN THU HƯƠNG	10/09/2001	Nữ	Tỉnh Lào Cai	K2019B	Kinh	3.35	8.15	86	Tốt	Giỏi
5	195115C283	LÃ THỊ THUY	27/07/2001	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K2019C	Kinh	3.25	8.05	86	Tốt	Giỏi
6	195115B149	HÀ THỊ THANH	15/12/2001	Nữ	Tỉnh Tuyên Quang	K2019B	Tày	3.23	7.94	86	Tốt	Giỏi
7	195115E511	TUÔNG MINH THỰ	14/03/2000	Nữ	Tỉnh Sơn La	K2019E	Kinh	3.21	7.99	88	Tốt	Giỏi
8	195115E502	PHẠM NGỌC LAN	05/01/2001	Nữ	Thành phố Hà Nội	K2019E	Kinh	3.20	8.09	87	Tốt	Giỏi
9	195115A023	LÊ THU TRANG	03/09/2001	Nữ	Tỉnh Thái Nguyên	K2019A	Kinh	3.20	8.08	86	Tốt	Giỏi
10	195115D378	NGUYỄN THỊ THANH MAI	08/08/2001	Nữ	Thành phố Hà Nội	K2019D	Kinh	3.20	7.98	84	Tốt	Giỏi
11	195115A051	VŨ THỊ YẾN	31/01/2001	Nữ	Thành phố Hải Phòng	K2019A	Kinh	3.18	8.01	87	Tốt	Khá
12	195115C294	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	28/05/2000	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	K2019C	Kinh	3.16	7.87	88	Tốt	Khá
13	195115E508	TRẦN MAI THẢO	04/09/2001	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	K2019E	Kinh	3.12	7.77	87	Tốt	Khá
14	195115B156	NGUYỄN THỊ KIM ANH	07/10/2001	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	K2019B	Kinh	3.10	7.75	89	Tốt	Khá
15	195115B161	NGÔ THỊ THANH HÀ	22/10/2001	Nữ	Tỉnh Gia Lai	K2019B	Kinh	3.09	7.79	87	Tốt	Khá
16	195115A041	NGUYỄN THỊ NHUNG	13/01/2001	Nữ	Tỉnh Nghệ An	K2019A	Kinh	3.09	7.74	83	Tốt	Khá
17	195115A045	TRẦN THỊ HỒNG THẨM	28/01/2001	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	K2019A	Kinh	3.08	7.95	83	Tốt	Khá
18	195115D364	ĐỖ THỊ BÌNH	13/01/1993	Nữ	Thành phố Hà Nội	K2019D	Kinh	3.06	7.83	85	Tốt	Khá
19	195115A072	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	02/11/2001	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K2019A	Kinh	3.03	7.65	84	Tốt	Khá
20	195115C268	PHAN THỊ HỒNG	27/01/2001	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	K2019C	Kinh	3.02	7.83	88	Tốt	K' í
21	195115E424	TÔNG THỊ THANH HIỀN	06/08/2001	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	K2019E	Kinh	3.02	7.70	89	Tốt	Khá
22	195115B192	VŨ THỊ THANH HUYỀN	12/03/2001	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	K2019B	Kinh	3.02	7.68	85	Tốt	Khá
23	195115A088	ĐINH THỊ HOÀNG LAN	20/10/2001	Nữ	Tỉnh Lâm Đồng	K2019A	Kinh	3.02	7.63	88	Tốt	Khá
24	195115E504	TRẦN HOÀNG NHI TRANG	22/07/2001	Nữ	Thành phố Hà Nội	K2019E	Kinh	3.01	7.74	89	Tốt	Khá
25	195115C224	HOÀNG THẢO NHI	17/10/2001	Nữ	Tỉnh Lào Cai	K2019C	Kinh	3.00	7.69	88	Tốt	Khá
26	195115B159	VŨ PHƯƠNG DUNG	09/12/2001	Nữ	Tỉnh Điện Biên	K2019B	Kinh	2.99	7.71	89	Tốt	Khá
27	195115B162	ĐỖ THỊ HẰNG	07/03/2001	Nữ	Thành phố Hà Nội	K2019B	Kinh	2.99	7.69	87	Tốt	Khá
28	195115A017	TRẦN THỊ HOÀI NGỌC	01/09/2001	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	K2019A	Kinh	2.99	7.61	84	Tốt	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
29	195115A019	NGUYỄN THỊ VIỆT PHƯƠNG G	12/01/2001	Nữ	Thái Nguyên	K2019A	Kinh	2.98	7.67	83	Tốt	Khá
30	195115A029	NGUYỄN THỊ CHIẾN	19/05/2000	Nữ	Hung Yên	K2019A	Kinh	2.97	7.73	86	Tốt	Khá
31	195115D377	TRỊNH THÚY LINH	05/01/2001	Nữ	Hà Nội	K2019D	Kinh	2.96	7.70	85	Tốt	Khá
32	195115E510	NGUYỄN THỊ THOM	19/04/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019E	Kinh	2.96	7.57	88	Tốt	Khá
33	195115E512	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	05/11/2001	Nam	Hà Nội	K2019E	Kinh	2.96	7.57	91	Xuất sắc	Khá
34	195115A038	ĐỒNG HIỀN MAI	09/07/2001	Nữ	Hà Nội	K2019A	Kinh	2.96	7.56	85	Tốt	Khá
35	195115A044	BÙI THỊ HOÀI SINH	18/06/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019A	Kinh	2.94	7.61	84	Tốt	Khá
36	195115A055	HOÀNG NHƯ CHIẾN	17/09/2001	Nam	Bắc Ninh	K2019A	Kinh	2.94	7.59	88	Tốt	Khá
37	185115D379	NGUYỄN THU HƯƠNG	10/07/1998	Nữ	Hung Yên	K2019D	Kinh	2.94	7.59	85	Tốt	Khá
38	195115B131	LÊ MINH ANH	07/02/2001	Nữ	Hà Nội	K2019B	Kinh	2.94	7.52	94	Xuất sắc	Khá
39	195115A028	PHẠM THỊ LINH CHI	13/07/2001	Nữ	Nghệ An	K2019A	Kinh	2.93	7.67	85	Tốt	Khá
40	185115D429	NGUYỄN THỊ THẢO	02/03/2000	Nữ	Nghệ An	K2019D	Kinh	2.93	7.61	83	Tốt	Khá
41	195115E418	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	18/06/2001	Nữ	Hà Nội	K2019E	Kinh	2.93	7.52	88	Tốt	Khá
42	195115A096	NGUYỄN MAI PHƯƠNG G	02/10/2000	Nữ	Phú Thọ	K2019A	Kinh	2.92	7.66	84	Tốt	Khá
43	195115E475	VŨ THỊ LOAN	24/08/2001	Nữ	Phú Thọ	K2019E	Mường	2.91	7.55	89	Tốt	Khá
44	195115B155	PHẠM THỊ NHƯ Ý	02/06/2001	Nữ	Đồng Nai	K2019B	Kinh	2.89	7.48	89	Tốt	Khá
45	195115D360	PHẠM MINH TIẾN	10/01/2001	Nam	Hà Nội	K2019D	Kinh	2.88	7.58	85	Tốt	Khá
46	195115E436	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	10/04/2001	Nam	Lâm Đồng	K2019E	Kinh	2.88	7.49	90	Xuất sắc	Khá
47	195115C299	TẠ THỊ NGÂN	13/07/2001	Nữ	Hà Nội	K2019C	Kinh	2.88	7.45	88	Tốt	Khá
48	195115D384	PHẠM NGỌC THIÊN	28/08/2001	Nam	Ninh Bình	K2019D	Kinh	2.88	7.42	84	Tốt	Khá
49	195115B193	ĐINH TRUNG KIÊN	11/10/2001	Nam	Phú Thọ	K2019B	Kinh	2.88	7.40	85	Tốt	Khá
50	195115A054	NGUYỄN THÚY CHÍ VÂN	16/09/2001	Nữ	Quảng Ninh	K2019A	Kinh	2.87	7.55	82	Tốt	Khá
51	195115B191	ĐINH THỊ HUỆ	01/10/2001	Nữ	Cao Bằng	K2019B	Tày	2.87	7.51	84	Tốt	Khá
52	195115E441	ĐẶNG THỊ THANH TÚ	24/10/2001	Nữ	Tuyên Quang	K2019E	Kinh	2.87	7.46	87	Tốt	Khá
53	195115A036	NGUYỄN THU HƯƠNG	20/07/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019A	Kinh	2.86	7.54	84	Tốt	Khá
54	195115C258	TRẦN THỊ TUYẾN	25/06/2001	Nữ	Thanh Hóa	K2019C	Kinh	2.86	7.51	85	Tốt	Khá
55	195115A066	NGUYỄN THỊ LINH KHÁNH	26/02/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019A	Kinh	2.86	7.47	87	Tốt	Khá
56	195115A095	HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG	09/09/2000	Nữ	Hà Nội	K2019A	Kinh	2.86	7.41	88	Tốt	Khá
57	195115D406	TRƯƠNG THỊ NHẢ	15/07/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019D	Kinh	2.85	7.48	87	Tốt	Khá
58	195115A100	NGUYỄN THỊ THỨ	12/03/2001	Nữ	Thái Nguyên	K2019A	Kinh	2.85	7.44	84	Tốt	Khá
59	195115A085	NGUYỄN THỊ HẰNG	16/09/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019A	Kinh	2.85	7.43	83	Tốt	Khá
60	195115D344	PHẠM THỊ HIỀN	15/04/2000	Nữ	Hung Yên	K2019D	Kinh	2.84	7.42	83	Tốt	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC	ĐIỂM TBC			
								Trang 4	Thang 10			
61	195115D380	NGUYỄN THỊ THÁI NGÂN	24/04/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019D	Kinh	2.83	7.44	86	Tốt	Khá
62	195115A035	TRẦN THỊ KHÁNH HUYỀN	05/12/2001	Nữ	Nghệ An	K2019A	Kinh	2.83	7.43	83	Tốt	Khá
63	195115B147	LÊ THU PHUON G	19/05/2001	Nữ	Phú Thọ	K2019B	Kinh	2.83	7.40	90	Xuất sắc	Khá
64	195115D314	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	24/10/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019D	Kinh	2.82	7.45	86	Tốt	Khá
65	195115A040	PHẠM THỊ HOÀI NGỌC	29/09/2001	Nữ	Hưng Yên	K2019A	Kinh	2.82	7.42	80	Tốt	Khá
66	195115C286	ÁU NGỌC ANH	05/10/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019C	Kinh	2.82	7.29	86	Tốt	Khá
67	195115B188	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	09/08/2001	Nữ	Hà Nội	K2019B	Kinh	2.81	7.46	89	Tốt	Khá
68	195115B168	NGÔ VY NA	25/11/2001	Nữ	Quảng Ngãi	K2019B	Kinh	2.81	7.45	86	Tốt	Khá
69	195115D340	NGÔ HOÀNG DIỆP	28/09/2001	Nữ	Cao Bằng	K2019D	Tày	2.80	7.41	86	Tốt	Khá
70	195115E516	MAILƯỜNG UYÊN	08/02/2001	Nữ	Điện Biên	K2019E	Kinh	2.80	7.34	86	Tốt	Khá
71	195115A001	NGUYỄN THẾ ANH	10/11/2001	Nam	Sơn La	K2019A	Kinh	2.80	7.30	82	Tốt	Khá
72	195115E455	NGUYỄN THỊ THÚY HOÀN	15/07/1993	Nữ	Lâm Đồng	K2019E	Kinh	2.79	7.41	87	Tốt	Khá
73	195115A080	VƯƠNG NGỌC ANH QUYNH	02/03/2001	Nữ	Hà Nội	K2019A	Kinh	2.79	7.30	86	Tốt	Khá
74	195115D392	NGUYỄN THỊ THANH	24/09/2001	Nữ	Nghệ An	K2019D	Kinh	2.78	7.44	86	Tốt	Khá
75	195115C222	PHẠM THỊ NGÂN	26/05/2000	Nữ	Bắc Ninh	K2019C	Kinh	2.78	7.40	85	Tốt	Khá
76	195115A015	NGUYỄN THỊ MAI PHUONG	06/02/2001	Nữ	Hải Phòng	K2019A	Kinh	2.78	7.39	84	Tốt	Khá
77	195115C271	LÊ THÚY LINH	24/11/2001	Nữ	Thanh Hóa	K2019C	Kinh	2.78	7.33	82	Tốt	Khá
78	195115E487	HOÀNG THỊ VÂN	08/05/2001	Nữ	Phú Thọ	K2019E	Kinh	2.77	7.43	88	Tốt	Khá
79	195115B120	NGUYỄN LÊ THẢO NGUYỄN N	16/12/2001	Nữ	Nghệ An	K2019B	Kinh	2.77	7.38	83	Tốt	Khá
80	195115D383	ĐỖ THỊ THU THẢO	29/01/2000	Nữ	Quảng Ninh	K2019D	Kinh	2.77	7.37	86	Tốt	Khá
81	195115D370	ĐÀO NAM HẢI	27/05/2001	Nữ	Quảng Ninh	K2019D	Kinh	2.77	7.35	85	Tốt	Khá
82	195115D343	ĐINH THỊ HẠNH	23/07/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019D	Kinh	2.77	7.35	84	Tốt	Khá
83	195115E462	TÔ MINH PHUON G	22/01/2001	Nữ	Hà Nội	K2019E	Kinh	2.77	7.28	87	Tốt	Khá
84	195115B124	NGUYỄN PHƯƠNG THANH	01/05/2001	Nữ	Hà Nội	K2019B	Kinh	2.77	7.21	83	Tốt	Khá
85	195115E423	VŨ THỊ THU HẢI	29/12/2001	Nữ	Quảng Ninh	K2019E	Kinh	2.76	7.38	84	Tốt	Khá
86	195115C226	LÊ THANH PHONG	16/04/2001	Nam	Hà Nội	K2019C	Kinh	2.76	7.29	83	Tốt	Khá
87	195115B184	LÝ THỊ HUỆ ANH	25/09/2000	Nữ	Cao Bằng	K2019B	Nùng	2.76	7.26	84	Tốt	Khá
88	195115A050	NÔNG THÀNH VINH	16/03/2000	Nam	Đắk Lắk	K2019A	Tày	2.75	7.31	85	Tốt	Khá
89	195115C235	NGUYỄN THỊ THÚY DUNG	02/05/2001	Nữ	Quảng Trị	K2019C	Kinh	2.75	7.30	87	Tốt	Khá
90	195115E458	TRẦN THỊ NGỌC HUYỀN	28/07/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019E	Kinh	2.75	7.22	87	Tốt	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC	ĐIỂM TBC			
								Thang 4	Thang 10			
91	195115E461	PHẠM THỊ TÀI	05/01/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019E	Kinh	2.74	7.39	89	Tốt	Khá
92	195115A094	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	09/04/2000	Nữ	Bắc Ninh	K2019A	Kinh	2.74	7.29	88	Tốt	Khá
93	195115C307	THIỀU THỊ KIỀU TRANG	23/04/2001	Nữ	Thanh Hóa	K2019C	Mường	2.73	7.33	84	Tốt	Khá
94	195115B136	LÊ MINH HÒA	15/09/2001	Nữ	Tuyên Quang	K2019B	Kinh	2.73	7.28	83	Tốt	Khá
95	195115A092	TRẦN ĐỨC NAM	15/11/2000	Nam	Nghệ An	K2019A	Kinh	2.73	7.24	85	Tốt	Khá
96	195115B169	HOÀNG THỊ NGOAN	18/05/2001	Nữ	Hung Yên	K2019B	Kinh	2.73	7.21	86	Tốt	Khá
97	195115C211	MA THỊ DINH	20/06/2001	Nữ	Tuyên Quang	K2019C	Tày	2.73	7.21	87	Tốt	Khá
98	195115B185	TRẦN THỊ ÁNH	22/04/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019B	Kinh	2.73	7.16	83	Tốt	Khá
99	195115C302	NGUYỄN THỊ PHUON G	17/10/2000	Nữ	Bắc Ninh	K2019C	Kinh	2.72	7.29	86	Tốt	Khá
100	195115C230	TÔ THỊ MINH THU	28/10/2001	Nữ	Quảng Ninh	K2019C	Kinh	2.72	7.29	82	Tốt	Khá
101	195115A009	ĐỖ NGỌC HUỖN	07/11/2001	Nữ	Điện Biên	K2019A	Kinh	2.72	7.25	83	Tốt	Khá
102	195115D367	NGUYỄN THUY DUYỀN	13/07/2001	Nữ	Hà Nội	K2019D	Kinh	2.72	7.23	82	Tốt	Khá
103	195115C216	NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯƠNG	22/08/2001	Nữ	Thái Nguyên	K2019C	Kinh	2.71	7.31	89	Tốt	Khá
104	195115B194	CAO THỊ LIÊN	30/12/2000	Nữ	Thanh Hóa	K2019B	Kinh	2.71	7.29	83	Tốt	Khá
105	195115D391	NGUYỄN THẠC CÔNG	06/03/2001	Nam	Hà Nội	K2019D	Kinh	2.71	7.29	87	Tốt	Khá
106	195115A011	PHẠM THẾ LÂM	20/07/2000	Nam	Thanh Hóa	K2019A	Kinh	2.71	7.27	88	Tốt	Khá
107	195115E497	TRẦN NGỌC HÀ	15/09/2001	Nữ	Lào Cai	K2019E	Kinh	2.71	7.27	89	Tốt	Khá
108	195115C287	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	16/12/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019C	Kinh	2.71	7.22	87	Tốt	Khá
109	195115E440	NGUYỄN THỊ THU TRANG	23/05/2001	Nữ	Phủ Thọ	K2019E	Kinh	2.71	7.20	87	Tốt	Khá
110	195115B189	MAI HỒNG HÀ	25/11/2001	Nữ	Hải Phòng	K2019B	Kinh	2.71	7.12	85	Tốt	Khá
111	195115D372	BUI THỊ HỒNG	28/01/2001	Nữ	Hải Phòng	K2019D	Kinh	2.70	7.21	84	Tốt	Khá
112	195115A016	NGUYỄN THỊ NGÀ QUỲNH	09/01/2001	Nữ	Thái Nguyên	K2019A	Kinh	2.70	7.18	84	Tốt	Khá
113	195115B205	TRẦN THỊ THUY TRANG	23/07/2001	Nữ	Hà Nội	K2019B	Kinh	2.69	7.34	83	Tốt	Khá
114	195115D385	TÔ THỊ THƯƠNG G	24/09/2001	Nữ	Quảng Ninh	K2019D	Kinh	2.69	7.29	88	Tốt	Khá
115	195115E478	TRẦN THỊ CẨM NHUNG	27/10/2001	Nữ	Huế	K2019E	Kinh	2.69	7.26	88	Tốt	Khá
116	185115A001	ĐÀO THỊ NGỌC ANH	06/06/1999	Nữ	Phủ Thọ	K2019A	Kinh	2.69	7.21	86	Tốt	Khá
117	195115D327	PHẠM HOÀNG HÀ NGÂN	29/04/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019D	Kinh	2.69	7.20	86	Tốt	Khá
118	195115B142	TRẦN THỊ THU LUẬN	05/01/2001	Nữ	Đà Nẵng	K2019B	Kinh	2.69	7.04	86	Tốt	Khá
119	195115C223	MẦN ĐẶNG THANH NGUYỄN N	24/03/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019C	Kinh	2.68	7.37	87	Tốt	Khá
120	195115E457	PHẠM THỊ HUỖN	07/06/2001	Nữ	Hà Nội	K2019E	Kinh	2.68	7.31	86	Tốt	Khá
121	195115A032	LÊ THỊ HÂN	15/09/2001	Nữ	Thanh Hóa	K2019A	Kinh	2.68	7.29	86	Tốt	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC	ĐIỂM TBC			
								Thang 4	Thang 10			
122	195115E498	NGUYỄN THANH HOA	16/08/2000	Nữ	Tuyên Quang	K2019E	Tày	2.68	7.25	87	Tốt	Khá
123	195115B190	CUNG HỒNG HẮNG	12/06/2001	Nữ	Hà Nội	K2019B	Kinh	2.68	7.18	85	Tốt	Khá
124	195115C305	NGUYỄN THỊ THUẬN	30/09/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019C	Kinh	2.68	7.18	84	Tốt	Khá
125	195115B134	NGUYỄN THỊ THU HÀ	17/02/2001	Nữ	Hà Nội	K2019B	Kinh	2.68	7.11	86	Tốt	Khá
126	195115C208	ÁN PHƯƠNG ANH	21/12/2001	Nữ	Quảng Ninh	K2019C	Kinh	2.67	7.26	80	Tốt	Khá
127	195115B181	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	24/09/2001	Nữ	Hải Phòng	K2019B	Kinh	2.67	7.23	82	Tốt	Khá
128	195115C249	NGUYỄN THỊ MY HUỖN	27/08/2001	Nữ	Lào Cai	K2019C	Kinh	2.67	7.21	87	Tốt	Khá
129	195115E480	PHẠM THỊ PHUON G	19/08/2001	Nữ	Phú Thọ	K2019E	Kinh	2.67	7.21	86	Tốt	Khá
130	195115B197	LƯU QUANG NGHĨA	29/07/2001	Nam	Bắc Ninh	K2019B	Kinh	2.67	7.18	86	Tốt	Khá
131	195115E417	NGUYỄN THỊ MAI ANH	23/09/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019E	Kinh	2.67	7.18	86	Tốt	Khá
132	195115E515	PHẠM QUANG TÙNG	21/05/2001	Nam	Hà Nội	K2019E	Kinh	2.67	7.16	83	Tốt	Khá
133	195115A097	HÀ THỊ XUÂN QUỲNH	01/08/2001	Nữ	Phú Thọ	K2019A	Kinh	2.67	7.15	84	Tốt	Khá
134	195115D365	HÀ BẢO CHI	30/09/2000	Nữ	Lạng Sơn	K2019D	Tày	2.67	7.14	86	Tốt	Khá
135	195115C306	PHẠM THỊ TOAN	24/11/2001	Nữ	Hưng Yên	K2019C	Kinh	2.67	7.12	86	Tốt	Khá
136	185115C321	NGUYỄN THU THÚY	01/01/2000	Nữ	Ninh Bình	K2019C	Kinh	2.67	7.11	82	Tốt	Khá
137	195115B105	LÊ QUỲNH ANH	17/11/2001	Nữ	Thanh Hóa	K2019B	Kinh	2.66	7.29	83	Tốt	Khá
138	195115C293	HOÀNG THỊ HOA	26/10/2001	Nữ	Thái Nguyên	K2019C	Kinh	2.66	7.24	87	Tốt	Khá
139	195115B157	VŨ LAN ANH	18/07/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019B	Kinh	2.66	7.20	87	Tốt	Khá
140	195115B167	NGUYỄN CÔNG LUÂN	30/04/1991	Nam	Bắc Ninh	K2019B	Kinh	2.66	7.20	86	Tốt	Khá
141	195115C252	VŨ QUỐC PHONG	12/09/1996	Nam	Bắc Ninh	K2019C	Kinh	2.66	7.18	87	Tốt	Khá
142	195115D395	ĐOÀN THỊ THANH HIỀN	15/04/2001	Nữ	Hà Nội	K2019D	Kinh	2.66	7.18	88	Tốt	Khá
143	195115D371	DƯƠNG THỊ HẠNH	30/03/1991	Nữ	Hà Nội	K2019D	Kinh	2.66	7.15	84	Tốt	Khá
144	195115D321	HÀ PHẠM MINH HUỖN	23/09/2001	Nữ	Thái Nguyên	K2019D	Tày	2.66	7.14	88	Tốt	Khá
145	195115E420	LÊ SỸ BIN	10/03/2001	Nam	Quảng Trị	K2019E	Kinh	2.66	7.10	87	Tốt	Khá
146	195115B203	BÙI THỊ THU TRANG	26/11/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019B	Kinh	2.66	7.09	86	Tốt	Khá
147	195115C301	HOÀNG THỊ NHUNG	23/08/2000	Nữ	Lạng Sơn	K2019C	Tày	2.65	7.27	86	Tốt	Khá
148	195115B170	TRẦN TUYẾT NHI	03/10/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019B	Kinh	2.65	7.22	83	Tốt	Khá
149	195115D356	PHẠM THANH SƠN	21/03/2001	Nam	Ninh Bình	K2019D	Kinh	2.65	7.21	82	Tốt	Khá
150	195115D415	LÊ THỊ TÚƠI	12/12/2001	Nữ	Hà Nội	K2019D	Kinh	2.65	7.17	88	Tốt	Khá
151	195115A091	LÊ NỮ HÀ LY	24/09/2001	Nữ	Thanh Hóa	K2019A	Kinh	2.65	7.14	86	Tốt	Khá
152	195115A005	VÕ BÙI LINH CHI	28/05/2001	Nữ	Hà Tĩnh	K2019A	Kinh	2.64	7.25	86	Tốt	Khá
153	195115D398	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	23/08/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019D	Kinh	2.64	7.19	84	Tốt	Khá
154	195115D322	TRẦN THỊ NGỌC HUỖN	18/12/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019D	Kinh	2.64	7.19	86	Tốt	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
155	195115B127	CHU THỊ HOÀI G	18/11/2001	Nữ	Cao Bằng	K2019B	Nùng	2.64	7.15	85	Tốt	Khá
156	195115D381	HÀ THỊ THANH NHÀN	21/09/2001	Nữ	Thanh Hóa	K2019D	Mường	2.64	7.09	87	Tốt	Khá
157	195115D331	NGUYỄN THỊ SƯƠNG	21/04/2001	Nữ	Nghệ An	K2019D	Kinh	2.63	7.26	87	Tốt	Khá
158	195115A102	NGUYỄN THANH TRÂM	14/09/2001	Nữ	Nghệ An	K2019A	Kinh	2.63	7.15	85	Tốt	Khá
159	195115C218	ĐẶNG THỊ DIỆU LINH	26/08/2001	Nữ	Hà Tĩnh	K2019C	Kinh	2.63	7.15	82	Tốt	Khá
160	195115D407	NGUYỄN THUY NINH	04/02/2001	Nữ	Hà Nội	K2019D	Kinh	2.63	7.15	85	Tốt	Khá
161	195115C276	TRẦN THÚY NGÂN	25/08/2001	Nữ	Phủ Thọ	K2019C	Kinh	2.63	7.08	89	Tốt	Khá
162	195115B207	NGUYỄN THỊ HAI YÊN	16/10/2001	Nữ	Lai Châu	K2019B	Kinh	2.63	7.06	88	Tốt	Khá
163	195115B165	VŨ THỊ MINH HƯƠNG	28/01/2001	Nữ	Thanh Hóa	K2019B	Kinh	2.62	7.18	84	Tốt	Khá
164	195115C295	PHÙNG THỊ THU HƯƠNG	26/02/2001	Nữ	Phủ Thọ	K2019C	Kinh	2.62	7.17	90	Xuất sắc	Khá
165	195115A090	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	20/12/2000	Nữ	Hải Phòng	K2019A	Kinh	2.62	7.15	85	Tốt	Khá
166	195115A030	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	23/10/2001	Nam	Thái Nguyên	K2019A	Kinh	2.62	7.13	85	Tốt	Khá
167	195115E509	TRƯƠNG THỊ THẨM	08/12/2001	Nữ	Thanh Hóa	K2019E	Mường	2.62	7.10	86	Tốt	Khá
168	195115B195	NGUYỄN DIỆU LINH	12/02/2001	Nữ	Hải Phòng	K2019B	Kinh	2.62	7.09	87	Tốt	Khá
169	195115E434	PHẠM THỊ PHUONG G	23/02/2001	Nữ	Hải Phòng	K2019E	Kinh	2.62	7.04	86	Tốt	Khá
170	195115D375	DƯƠNG THỊ THUY LINH	21/05/2001	Nữ	Phủ Thọ	K2019D	Kinh	2.61	7.13	82	Tốt	Khá
171	195115D353	LÊ THANH NHÀN	27/10/2001	Nữ	Thái Nguyên	K2019D	Kinh	2.61	7.09	87	Tốt	Khá
172	195115E419	NÔNG PHƯƠNG MAI	13/10/2000	Nữ	Cao Bằng	K2019E	Tày	2.61	7.09	85	Tốt	Khá
173	195115C219	NGUYỄN VIỆT LINH	28/07/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019C	Kinh	2.61	7.08	85	Tốt	Khá
174	195115B145	TRẦN THỊ NHIÊN	16/10/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019B	Kinh	2.61	7.06	84	Tốt	Khá
175	195115C290	LÊ THUY DƯƠNG	21/09/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019C	Kinh	2.61	7.03	89	Tốt	Khá
176	195115B113	NGUYỄN THỊ PHUONG HUỆ	18/10/2001	Nữ	Hải Phòng	K2019B	Kinh	2.60	7.17	85	Tốt	Khá
177	195115A086	LÊ THỊ THANH HÒA	30/12/2001	Nữ	Thanh Hóa	K2019A	Kinh	2.60	7.12	83	Tốt	Khá
178	195115D345	LÊ THỊ HỒNG	11/08/2001	Nữ	Hà Nội	K2019D	Kinh	2.60	7.11	86	Tốt	Khá
179	195115D390	BÙI NGUYỄN BÌNH	11/12/2000	Nam	Hưng Yên	K2019D	Kinh	2.60	7.10	85	Tốt	Khá
180	195115E517	HOÀNG LÊ XUÂN	30/11/2001	Nữ	Thanh Hóa	K2019E	Kinh	2.60	7.10	88	Tốt	Khá
181	195115D349	LÊ HỒNG LOAN	11/11/2001	Nữ	Quảng Ninh	K2019D	Kinh	2.60	7.08	86	Tốt	Khá
182	195115C217	LÊ VĂN KHÁNH	09/09/2001	Nam	Nghệ An	K2019C	Kinh	2.60	7.07	89	Tốt	Khá
183	195115D354	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	06/09/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019D	Kinh	2.60	7.06	86	Tốt	Khá
184	195115B204	ĐIỀU THỊ THU TRANG	23/10/2001	Nữ	Sơn La	K2019B	Thái	2.60	7.00	84	Tốt	Khá
185	195115E430	QUÁCH PHƯƠNG MAI	06/08/2001	Nữ	Thái Nguyên	K2019E	Kinh	2.59	7.15	86	Tốt	Khá
186	195115B166	TRIỆU THỊ HƯƠNG	24/05/2000	Nữ	Cao Bằng	K2019B	Tày	2.59	7.10	86	Tốt	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Dân tộc	Điểm TN		Điểm RL	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại tốt nghiệp
							Điểm TBC	Điểm TBC			
							Thang 4	Thang 10			
187	195115D347	TRẦN THỊ LAN	17/06/2001	Nữ	K2019D	Kinh	2.59	7.09	86	Tốt	Khá
188	195115A006	BÙI THỊ ĐỊNH	14/03/2000	Nữ	K2019A	Mường	2.59	7.03	83	Tốt	Khá
189	195115D369	LÊ THỊ HÀ	05/01/2001	Nữ	K2019D	Kinh	2.59	7.03	84	Tốt	Khá
190	195115C300	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	05/02/2001	Nữ	K2019C	Kinh	2.58	7.18	87	Tốt	Khá
191	195115A039	LÊ THỊ	06/01/2001	Nữ	K2019A	Kinh	2.58	7.13	86	Tốt	Khá
192	195115B137	LÊ HỒNG HUỆ	28/11/2001	Nữ	K2019B	Kinh	2.58	7.13	85	Tốt	Khá
193	195115D326	NGUYỄN VÕ MINH HOÀNG	13/02/2001	Nam	K2019D	Kinh	2.58	7.08	85	Tốt	Khá
194	195115A046	PHẠM THỊ THU	17/10/1998	Nữ	K2019A	Kinh	2.58	7.07	86	Tốt	Khá
195	195115D358	ĐINH THỊ MINH THU	12/05/2001	Nữ	K2019D	Kinh	2.58	7.06	88	Tốt	Khá
196	195115C242	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	11/01/2001	Nữ	K2019C	Kinh	2.58	7.04	84	Tốt	Khá
197	195115B183	TRẦN TUẤN ANH	30/09/2001	Nam	K2019B	Kinh	2.58	6.98	86	Tốt	Khá
198	195115D361	NGUYỄN THẢO TRANG	24/09/2000	Nữ	K2019D	Kinh	2.58	6.93	81	Tốt	Khá
199	195115A033	NGÔ THỊ THU HOÀI	29/11/2001	Nữ	K2019A	Kinh	2.57	7.10	86	Tốt	Khá
200	195115D393	DƯƠNG THỊ HƯƠNG	20/09/2001	Nữ	K2019D	Kinh	2.57	7.10	85	Tốt	Khá
201	195115E452	PHẠM MINH HIẾU	27/02/2001	Nam	K2019E	Kinh	2.57	7.10	86	Tốt	Khá
202	195115C221	PHẠM HAI MINH	27/03/2001	Nữ	K2019C	Kinh	2.57	7.00	89	Tốt	Khá
203	195115A058	PHẠM THU HÀ	22/09/2000	Nữ	K2019A	Kinh	2.57	6.94	86	Tốt	Khá
204	195115A013	VŨ NGỎ BẢO LONG	21/03/2001	Nam	K2019A	Kinh	2.57	6.90	91	Xuất sắc	Khá
205	195115E465	TRẦN KIM THANH	21/11/2001	Nữ	K2019E	Kinh	2.56	7.09	87	Tốt	Khá
206	195115E468	PHAN QUỲNH CHÁU	22/06/2000	Nữ	K2019E	Kinh	2.56	7.06	89	Tốt	Khá
207	195115C263	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	18/01/2001	Nữ	K2019C	Kinh	2.56	7.00	88	Tốt	Khá
208	195115D362	CHU THỊ XUÂN	14/07/2001	Nữ	K2019D	Kinh	2.56	7.00	85	Tốt	Khá
209	195115A101	ĐÀO HUỲNH TRANG	01/02/2001	Nữ	K2019A	Kinh	2.56	6.97	87	Tốt	Khá
210	195115E428	NGUYỄN THỊ LIÊN	02/10/2000	Nữ	K2019E	Kinh	2.55	7.08	87	Tốt	Khá
211	195115D363	NGUYỄN TÚ ANH	08/01/2001	Nữ	K2019D	Kinh	2.55	7.02	85	Tốt	Khá
212	195115C239	BÙI THỊ LỆ HẰNG	18/08/2001	Nữ	K2019C	Kinh	2.55	7.00	84	Tốt	Khá
213	195115E449	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	09/10/2001	Nữ	K2019E	Kinh	2.55	7.00	87	Tốt	Khá
214	195115B179	TRƯƠNG THỊ HUYỀN	21/09/2001	Nữ	K2019B	Kinh	2.55	6.96	82	Tốt	Khá
215	195115D348	ĐỖ THỊ DIỆU LINH	12/04/2001	Nữ	K2019D	Kinh	2.55	6.95	87	Tốt	Khá
216	195115C284	TÔNG THỊ TRANG	06/01/2001	Nữ	K2019C	Kinh	2.55	6.94	86	Tốt	Khá
217	195115A010	PHẠM THỊ THU HƯƠNG	24/02/2001	Nữ	K2019A	Kinh	2.55	6.92	84	Tốt	Khá
218	195115C272	PHAN THANH LONG	20/12/2000	Nam	K2019C	Kinh	2.55	6.90	82	Tốt	Khá
219	195115B175	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	15/06/2001	Nữ	K2019B	Kinh	2.54	7.04	84	Tốt	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	ĐÀN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
220	195115C261	TRẦN PHƯƠNG ANH	18/10/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019C	Kinh	2.54	7.03	88	Tốt	Khá
221	195115C240	VŨ MỘNG	17/04/2000	Nữ	Tuyên Quang	K2019C	Nùng	2.54	7.03	85	Tốt	Khá
222	195115D399	PHẠM TUẤN	02/03/2001	Nam	Hải Phòng	K2019D	Kinh	2.54	7.03	86	Tốt	Khá
223	195115A059	TUÔNG THỊ THUY	15/09/2000	Nữ	Hưng Yên	K2019A	Kinh	2.54	7.01	83	Tốt	Khá
224	195115B146	LÊ THỊ KHÁNH	25/11/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019B	Kinh	2.54	7.01	90	Xuất sắc	Khá
225	195115A048	NGUYỄN HẠNH	06/08/2001	Nữ	Quảng Ngãi	K2019A	Kinh	2.54	7.00	86	Tốt	Khá
226	195115B173	NGUYỄN QUANG THÁI	02/06/2001	Nam	Thanh Hóa	K2019B	Kinh	2.54	6.99	83	Tốt	Khá
227	195115E484	TRẦN VĂN TIẾN	20/07/2001	Nam	Ninh Bình	K2019E	Kinh	2.54	6.99	80	Tốt	Khá
228	195115D341	DƯƠNG THỊ THUY	28/02/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019D	Kinh	2.54	6.95	86	Tốt	Khá
229	195115C237	LÊ THỊ THU	03/06/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019C	Kinh	2.53	7.02	84	Tốt	Khá
230	195115E476	TRUNG THỊ NGA	26/08/2001	Nữ	Hà Nội	K2019E	Kinh	2.53	6.98	87	Tốt	Khá
231	195115E432	TRẦN MINH NGUYỄN T	05/09/2001	Nữ	Phú Thọ	K2019E	Kinh	2.53	6.94	89	Tốt	Khá
232	195115A087	VŨ THỊ HUỆ	01/03/2001	Nữ	Hà Nội	K2019A	Kinh	2.53	6.92	85	Tốt	Khá
233	195115D405	ĐÀO THỊ THUY	02/10/2001	Nữ	Hà Nội	K2019D	Kinh	2.53	6.89	85	Tốt	Khá
234	195115E429	TRẦN PHƯƠNG LINH	30/10/2001	Nữ	Lai Châu	K2019E	Kinh	2.53	6.89	87	Tốt	Khá
235	195115E463	LA HỒNG SƠN	01/08/2001	Nam	Lào Cai	K2019E	Tày	2.52	7.03	87	Tốt	Khá
236	195115B107	LÊ THỊ KIM CHI	18/08/2001	Nữ	Hà Nội	K2019B	Kinh	2.52	7.00	86	Tốt	Khá
237	195115C255	NGUYỄN THỊ THANH THUY	01/11/2001	Nữ	Phú Thọ	K2019C	Mường	2.52	6.98	87	Tốt	Khá
238	195115C277	NGUYỄN THỊ UYÊN NHI	13/11/2001	Nữ	Hà Tĩnh	K2019C	Kinh	2.52	6.95	89	Tốt	Khá
239	195115B186	NGUYỄN THỊ THUY DUNG	15/01/2001	Nữ	Phú Thọ	K2019B	Kinh	2.52	6.94	81	Tốt	Khá
240	195115A056	NGUYỄN ANH DŨNG	16/09/2001	Nam	Hà Nội	K2019A	Kinh	2.52	6.93	85	Tốt	Khá
241	195115D315	NGUYỄN NHƯ BÌNH	04/04/2001	Nữ	Nghệ An	K2019D	Kinh	2.52	6.90	84	Tốt	Khá
242	195115C310	VŨ THỊ XUÂN	28/09/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019C	Kinh	2.51	7.02	83	Tốt	Khá
243	195115E513	TRẦN NGỌC TUẤN	05/11/2001	Nam	Phú Thọ	K2019E	Kinh	2.51	7.02	86	Tốt	Khá
244	195115C259	CHU THỊ HẢI YẾN	22/01/2001	Nữ	Nghệ An	K2019C	Kinh	2.51	6.96	88	Tốt	Khá
245	195115C296	LƯƠNG NGỌC KHÁNH	26/10/2001	Nam	Ninh Bình	K2019C	Kinh	2.51	6.94	76	Khá	Khá
246	195115E431	ĐỖ THỊ THANH NGÂN	21/06/2001	Nữ	Phú Thọ	K2019E	Kinh	2.51	6.94	83	Tốt	Khá
247	195115B114	BUI THỊ LAN HUƠNG	03/08/2000	Nữ	Hưng Yên	K2019B	Kinh	2.51	6.91	84	Tốt	Khá
248	195115C215	NGUYỄN THUY HẠNH	01/03/2001	Nữ	Phú Thọ	K2019C	Kinh	2.51	6.87	79	Khá	Kh
249	195115C279	PHAN THỊ MINH PHUỐN G	13/02/2001	Nữ	Hà Nội	K2019C	Kinh	2.51	6.87	86	Tốt	Khá
250	195115A069	TRẦN HẢI NAM	15/12/2001	Nam	Điện Biên	K2019A	Kinh	2.51	6.86	75	Khá	Khá
251	195115D335	NGÔ TRẦN THUY TRANG	08/08/2001	Nữ	Tuyên Quang	K2019D	Kinh	2.50	6.93	83	Tốt	Khá
252	195115C232	PHẠM THỊ THU TRANG	06/03/2000	Nữ	Phú Thọ	K2019C	Kinh	2.50	6.89	86	Tốt	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC	ĐIỂM TBC			
								Thang 4	Thang 10			
253	195115B133	PHẠM THỊ THÙY	DƯƠNG	Nữ	Ninh Bình	K2019B	Kinh	2.49	6.96	79	Khá	Trung bình
254	195115D412	QUANG HỒNG	THUẬN	Nữ	Nghệ An	K2019D	Thái	2.49	6.92	86	Tốt	Trung bình
255	195115A012	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	30/09/2001	Nữ	Tuyên Quang	K2019A	Kinh	2.49	6.91	84	Tốt	Trung bình
256	195115D396	TRẦN THUY	HIỀN	Nữ	Nghệ An	K2019D	Kinh	2.49	6.91	86	Tốt	Trung bình
257	195115A089	VŨ HOÀNG MAI	LAN	Nữ	Đắk Lắk	K2019A	Tày	2.48	6.92	87	Tốt	Trung bình
258	195115C292	TRẦN THỊ	HẠNH	Nữ	Hà Tĩnh	K2019C	Kinh	2.48	6.92	82	Tốt	Trung bình
259	195115E435	DƯƠNG LÂM	SƠN	Nam	Hà Nội	K2019E	Kinh	2.48	6.92	86	Tốt	Trung bình
260	195115C225	HÀ THỊ HỒNG	NHUNG	Nữ	Phú Thọ	K2019C	Mường	2.48	6.84	87	Tốt	Trung bình
261	195115C298	NGUYỄN QUỲNH	LONG	Nữ	Nghệ An	K2019C	Kinh	2.47	6.91	82	Tốt	Trung bình
262	195115B154	NGUYỄN THỊ HAI	YẾN	Nữ	Hà Nội	K2019B	Kinh	2.46	6.89	84	Tốt	Trung bình
263	195115A083	HOÀNG MẠNH	ĐAM	Nam	Quảng Ninh	K2019A	Kinh	2.46	6.82	85	Tốt	Trung bình
264	195115C260	BÙI LÊ KIỀU	ANH	Nữ	Phú Thọ	K2019C	Kinh	2.44	6.88	86	Tốt	Trung bình
265	195115A082	HOÀNG ĐỨC	DŨNG	Nam	Thanh Hóa	K2019A	Kinh	2.44	6.77	82	Tốt	Trung bình
266	195115B150	NINH THỊ	THẢO	Nữ	Ninh Bình	K2019B	Kinh	2.43	6.83	85	Tốt	Trung bình
267	195115B180	NGUYỄN THỊ	TRÚC	Nữ	Thanh Hóa	K2019B	Kinh	2.43	6.80	85	Tốt	Trung bình
268	195115C267	NGUYỄN THÙY	HIỀN	Nữ	Hà Nội	K2019C	Kinh	2.43	6.72	87	Tốt	Trung bình
269	195115D357	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	Thanh Hóa	K2019D	Kinh	2.42	6.90	86	Tốt	Trung bình
270	195115C244	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	Nữ	Hải Phòng	K2019C	Kinh	2.42	6.80	85	Tốt	Trung bình
271	195115A093	ĐỖ THỊ KIM	NGÂN	Nữ	Thái Nguyên	K2019A	Kinh	2.42	6.72	87	Tốt	Trung bình
272	195115B152	ĐỖ THỊ THÙY	TRANG	Nữ	Hà Nội	K2019B	Kinh	2.41	6.74	82	Tốt	Trung bình
273	195115A067	NGUYỄN THỊ	LÝ	Nữ	Quảng Ninh	K2019A	Kinh	2.41	6.72	82	Tốt	Trung bình
274	195115C266	VŨ MỸ	HẠNH	Nữ	Quảng Ninh	K2019C	Kinh	2.41	6.72	89	Tốt	Trung bình
275	195115C213	LA HẢI	DƯƠNG	Nam	Bắc Ninh	K2019C	Kinh	2.41	6.69	80	Tốt	Trung bình
276	195115B196	NGUYỄN THỊ TRÁ	MY	Nữ	Hà Nội	K2019B	Kinh	2.40	6.76	83	Tốt	Trung bình
277	185115C257	TRẦN THỊ MỸ	HẠNH	Nữ	Đà Nẵng	K2019C	Kinh	2.40	6.71	84	Tốt	Trung bình
278	195115E464	NGUYỄN DUY	TÂN	Nam	Ninh Bình	K2019E	Kinh	2.39	6.83	87	Tốt	Trung bình
279	195115C251	PHÙNG THỊ LAN	NHI	Nữ	Bắc Ninh	K2019C	Kinh	2.39	6.76	87	Tốt	Trung bình
280	195115B206	TRẦN THỊ	TUYẾT	Nữ	Hà Nội	K2019B	Kinh	2.38	6.79	86	Tốt	Trung bình
281	195115C264	NGÔ THỊ	DƯƠNG	Nữ	Thanh Hóa	K2019C	Kinh	2.38	6.75	83	Tốt	Trung bình
282	195115B153	LÒ VĂN	VŨ	Nam	Sơn La	K2019B	Thái	2.38	6.74	77	Khá	Trung bình
283	195115A099	HOÀNG TIẾN	THÀNH	Nam	Tuyên Quang	K2019A	Tày	2.38	6.73	82	Tốt	Trung bình
284	195115C254	TRẦN THỊ THÙY	QUỲNH	Nữ	Ninh Bình	K2019C	Kinh	2.38	6.69	87	Tốt	Trung bình
285	195115E496	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	Nam	Sơn La	K2019E	Kinh	2.37	6.77	88	Tốt	Trung bình

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC	ĐIỂM TBC			
								Thang 4	Thang 10			
286	195115E433	NGUYỄN NGỌC NINH	02/01/2000	Nữ	Quảng Ninh	K2019E	Kinh	2.37	6.74	88	Tốt	Trung bình
287	195115C212	VŨ MẠNH DŨNG	11/07/2001	Nam	Lào Cai	K2019C	Kinh	2.37	6.72	84	Tốt	Trung bình
288	195115C269	TRẦN THANH HUYỀN	22/05/2001	Nữ	Phủ Thọ	K2019C	Kinh	2.37	6.68	88	Tốt	Trung bình
289	195115C245	TRỊNH THỊ THƯƠNG	05/09/2001	Nữ	Hung Yên	K2019C	Kinh	2.36	6.78	85	Tốt	Trung bình
290	195115E505	VŨ THỊ THỦY NHUNG	10/10/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019E	Kinh	2.36	6.75	81	Tốt	Trung bình
291	195115B202	NGUYỄN THỊ THU THỦY	21/03/2001	Nữ	Hải Phòng	K2019B	Kinh	2.36	6.74	85	Tốt	Trung bình
292	195115D336	NGUYỄN THU TRANG	20/12/2001	Nữ	Hung Yên	K2019D	Kinh	2.36	6.66	86	Tốt	Trung bình
293	195115A078	ROÀN THỊ HAI YÊN	10/11/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019A	Kinh	2.35	6.77	81	Tốt	Trung bình
294	195115B163	LÊ VĂN HÙNG	28/06/2001	Nam	Thanh Hóa	K2019B	Thổ	2.35	6.74	87	Tốt	Trung bình
295	195115D410	NGUYỄN THỊ THỦY QUỲNH	12/08/1999	Nữ	Hà Nội	K2019D	Kinh	2.35	6.73	85	Tốt	Trung bình
296	195115C291	TẠ THỊ GIANG	22/03/2001	Nữ	Phủ Thọ	K2019C	Kinh	2.35	6.67	84	Tốt	Trung bình
297	195115B182	DƯƠNG THỊ VÂN ANH	07/06/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019B	Kinh	2.34	6.72	85	Tốt	Trung bình
298	195115E426	PHẠM THỊ HUỖN	31/12/2001	Nữ	Đồng Nai	K2019E	Kinh	2.34	6.66	84	Tốt	Trung bình
299	195115A084	NGUYỄN THU HÀ	13/12/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019A	Kinh	2.33	6.73	84	Tốt	Trung bình
300	185115C258	LÊ THỊ NGỌC HÁNG	24/03/2000	Nữ	Thanh Hóa	K2019C	Kinh	2.33	6.71	84	Tốt	Trung bình
301	195115E439	HOÀNG NGỌC THÀNH	02/01/2000	Nam	Nghệ An	K2019E	Thổ	2.33	6.71	88	Tốt	Trung bình
302	195115A024	TRẦN THỊ BẢO TRINH	27/12/2001	Nữ	Nghệ An	K2019A	Kinh	2.33	6.70	81	Tốt	Trung bình
303	195115D416	TRƯƠNG THỂ VŨ	11/07/2000	Nam	Hà Nội	K2019D	Kinh	2.33	6.70	85	Tốt	Trung bình
304	195115A034	NGUYỄN LÊ KHÁNH	21/12/2001	Nam	Gia Lai	K2019A	Kinh	2.33	6.67	84	Tốt	Trung bình
305	195115C257	TRẦN CẨM TRANG	19/06/2001	Nữ	Phủ Thọ	K2019C	Kinh	2.33	6.64	84	Tốt	Trung bình
306	195115E454	HOÀNG THỊ HOA	16/07/2001	Nữ	Phủ Thọ	K2019E	Kinh	2.32	6.72	87	Tốt	Trung bình
307	195115A047	ĐẶNG HẠNH TRANG	23/07/2001	Nữ	Quảng Ninh	K2019A	Kinh	2.32	6.67	85	Tốt	Trung bình
308	195115B119	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	13/10/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019B	Kinh	2.32	6.66	83	Tốt	Trung bình
309	195115C262	NGUYỄN THỊ THU CHANG	16/07/2001	Nữ	Hải Phòng	K2019C	Kinh	2.32	6.63	86	Tốt	Trung bình
310	195115E492	VŨ HÒA BÌNH	13/11/2001	Nam	Thanh Hóa	K2019E	Kinh	2.32	6.60	89	Tốt	Trung bình
311	195115D333	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	28/03/2001	Nữ	Hung Yên	K2019D	Kinh	2.31	6.75	82	Tốt	Trung bình
312	195115C250	ĐỖ THỊ HỒNG NGÁT	08/01/2001	Nữ	Thái Nguyên	K2019C	Kinh	2.31	6.72	82	Tốt	Trung bình
313	195115D397	PHẠM THỊ HIỀN	21/12/2000	Nữ	Thanh Hóa	K2019D	Mường	2.31	6.68	83	Tốt	Trung bình
314	195115B198	DƯƠNG NGUYỄN PHÚC HỒNG	02/10/2001	Nam	Hà Nội	K2019B	Kinh	2.31	6.67	80	Tốt	Trung bình
315	195115E485	ĐỖ THU TRANG	20/10/2001	Nữ	Phủ Thọ	K2019E	Kinh	2.31	6.67	85	Tốt	Trung bình
316	195115E482	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	02/12/2001	Nữ	Lào Cai	K2019E	Kinh	2.31	6.58	78	Khá	Trung bình
317	195115B148	TRẦN CAO QUỲ	21/01/2001	Nam	Ninh Bình	K2019B	Kinh	2.30	6.71	84	Tốt	Trung bình
318	195115D328	HÀ THỊ PHƯƠNG NHÃN	22/07/2001	Nữ	Lào Cai	K2019D	Kinh	2.30	6.69	82	Tốt	Trung bình

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
319	195115E467	NGUYỄN TRẦN MINH	22/12/2000	Nữ	Nghệ An	K2019E	Kinh	2.30	6.67	85	Tốt	Trung bình
320	195115C234	NGUYỄN THỊ XUÂN	21/09/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019C	Kinh	2.29	6.66	88	Tốt	Trung bình
321	195115B129	LÊ THỊ TRÂM	07/10/2001	Nữ	Thanh Hóa	K2019B	Kinh	2.29	6.64	85	Tốt	Trung bình
322	195115D350	NGUYỄN THỊ THANH	06/02/2001	Nữ	Quảng Ngãi	K2019D	Kinh	2.29	6.64	79	Khá	Trung bình
323	195115E488	TRỊNH THỊ HỒNG VÂN	14/10/2001	Nữ	Hà Nội	K2019E	Kinh	2.28	6.56	87	Tốt	Trung bình
324	195115E466	LÊ BÁ KHAI	07/03/2001	Nam	Ninh Bình	K2019E	Kinh	2.28	6.51	85	Tốt	Trung bình
325	195115C209	NGUYỄN VIỆT ANH	07/10/2000	Nam	Thanh Hóa	K2019C	Kinh	2.27	6.63	78	Khá	Trung bình
326	195115B172	MAI VÂN QUY	15/04/2001	Nam	Thanh Hóa	K2019B	Kinh	2.27	6.62	88	Tốt	Trung bình
327	195115B128	NGUYỄN THỊ HUỖN	08/06/2001	Nữ	Hà Nội	K2019B	Kinh	2.27	6.62	86	Tốt	Trung bình
328	195115C303	NGUYỄN MINH TÂM	19/12/2001	Nữ	Hà Nội	K2019C	Kinh	2.27	6.62	83	Tốt	Trung bình
329	195115B115	VŨ VÂN LÂM	07/03/2001	Nam	Ninh Bình	K2019B	Kinh	2.26	6.59	81	Tốt	Trung bình
330	195115C280	NGUYỄN THỊ PHUON G	15/07/2000	Nữ	Thanh Hóa	K2019C	Kinh	2.26	6.58	86	Tốt	Trung bình
331	195115A049	TỔNG THỊ VÂN	17/06/2001	Nữ	Thanh Hóa	K2019A	Kinh	2.26	6.55	83	Tốt	Trung bình
332	195115B151	NGUYỄN VÂN THỊNH	20/03/2001	Nam	Ninh Bình	K2019B	Kinh	2.26	6.54	86	Tốt	Trung bình
333	195115C265	ĐOÌ THỊ PHƯƠNG HÀ	15/12/2001	Nữ	Thanh Hóa	K2019C	Kinh	2.25	6.63	84	Tốt	Trung bình
334	195115B171	ĐỖ THỊ MINH PHUON G	09/09/2001	Nữ	Hà Nội	K2019B	Kinh	2.25	6.59	84	Tốt	Trung bình
335	195115A098	NGUYỄN THỊ THANH	05/03/2001	Nữ	Hà Nội	K2019A	Kinh	2.25	6.56	86	Tốt	Trung bình
336	195115A104	PHẠM HAI YÊN	24/06/2001	Nữ	Phú Thọ	K2019A	Kinh	2.25	6.56	85	Tốt	Trung bình
337	195115A060	TRẦN THÁI HÒA	19/05/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019A	Kinh	2.25	6.54	87	Tốt	Trung bình
338	195115B125	PHẠM THỊ THẢO	20/11/2001	Nữ	Hung Yên	K2019B	Kinh	2.25	6.54	84	Tốt	Trung bình
339	195115A003	LÝ BẮNG	01/09/2001	Nam	Phú Thọ	K2019A	Cao Lan	2.25	6.53	84	Tốt	Trung bình
340	195115A064	LÊ NGỌC LAN	01/11/2001	Nữ	Thái Nguyên	K2019A	Kinh	2.25	6.53	79	Khá	Trung bình
341	195115B178	NGUYỄN QUỲNH TRANG	03/02/2001	Nữ	Sơn La	K2019B	Kinh	2.25	6.53	86	Tốt	Trung bình
342	195115D311	MAI PHÚC AN	08/09/2001	Nam	Lâm Đồng	K2019D	Kinh	2.25	6.52	85	Tốt	Trung bình
343	195115E518	NGUYỄN THỊ THU	23/06/2001	Nữ	Nghệ An	K2019E	Thổ	2.24	6.63	86	Tốt	Trung bình
344	195115B123	HÀ THỊ NHƯ QUỲNH	13/09/2001	Nữ	Hà Nội	K2019B	Kinh	2.24	6.55	86	Tốt	Trung bình
345	195115C297	HOÀNG THỊ LINH	19/08/2001	Nữ	Thanh Hóa	K2019C	Kinh	2.23	6.51	87	Tốt	Trung bình
346	195115D324	ĐỖ THỊ THUY LINH	31/07/2001	Nữ	Hà Nội	K2019D	Kinh	2.22	6.55	87	Tốt	Trung bình
347	195115C247	LÊ VŨ MAI LINH	12/09/2001	Nữ	Quảng Ninh	K2019C	Kinh	2.22	6.54	84	Tốt	Trung bình
348	195115E459	TRẦN THỊ THUY LOAN	23/05/2001	Nữ	Quảng Trị	K2019E	Kinh	2.22	6.48	84	Tốt	Trung bình
349	195115B106	VŨ THỊ MAI ANH	01/05/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019B	Kinh	2.22	6.47	81	Tốt	Trung bình

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
350	195115E477	HỒ SỸ NGHĨA	29/09/2001	Nam	Cao Bằng	K2019E	Nùng	2.22	6.43	80	Tốt	Trung bình
351	195115C274	VÕ THỊ TÚ MINH	25/06/2001	Nữ	Cà Mau	K2019C	Kinh	2.21	6.62	87	Tốt	Trung bình
352	195115A031	PHẠM THỊ DUNG	01/05/2000	Nữ	Thanh Hóa	K2019A	Mường	2.21	6.57	82	Tốt	Trung bình
353	195115B174	ĐỒNG ĐẠO THÀNH	18/11/2001	Nam	Hà Nội	K2019B	Kinh	2.21	6.55	82	Tốt	Trung bình
354	195115B138	NGUYỄN MẠNH HÙNG	03/04/2001	Nam	Hưng Yên	K2019B	Kinh	2.21	6.53	89	Tốt	Trung bình
355	195115D379	NGUYỄN TIẾN MẠNH	24/03/2000	Nam	Phủ Thục	K2019D	Kinh	2.21	6.51	82	Tốt	Trung bình
356	195115B143	ĐỖ NHẬT NAM	28/10/2001	Nam	Lào Cai	K2019B	Kinh	2.21	6.49	85	Tốt	Trung bình
357	195115B141	PHẠM YẾN LINH	21/04/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019B	Kinh	2.20	6.56	84	Tốt	Trung bình
358	195115B144	HOÀNG THỊ MINH NGỌC	02/05/2001	Nữ	Nghệ An	K2019B	Kinh	2.20	6.51	90	Xuất sắc	Trung bình
359	195115D404	TRIỆU NGỌC MAI	13/10/2001	Nữ	Cao Bằng	K2019D	Kinh	2.20	6.48	89	Tốt	Trung bình
360	195115D320	LÒ THỊ ÁNH HỒNG	03/01/2001	Nữ	Điện Biên	K2019D	Thái	2.20	6.46	87	Tốt	Trung bình
361	195115A042	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG G	28/03/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019A	Kinh	2.20	6.45	85	Tốt	Trung bình
362	195115A081	NGUYỄN MAI CHI	14/10/2001	Nữ	Quảng Ninh	K2019A	Kinh	2.19	6.51	85	Tốt	Trung bình
363	195115B199	HỒ NGỌC ANH QUÂN	22/10/2001	Nam	Quảng Ngãi	K2019B	Kinh	2.19	6.51	89	Tốt	Trung bình
364	195115C270	NGUYỄN VĂN KHÁNH	09/11/2001	Nam	Gia Lai	K2019C	Kinh	2.19	6.50	86	Tốt	Trung bình
365	195115E471	TRẦN BẢO HÂN	27/03/2001	Nữ	Hà Nội	K2019E	Kinh	2.19	6.47	88	Tốt	Trung bình
366	195115D403	TRẦN THU LINH	13/10/2001	Nữ	Thanh Hóa	K2019D	Kinh	2.18	6.42	83	Tốt	Trung bình
367	195115B132	DƯƠNG KHÁNH CHI	22/12/2001	Nữ	Thái Nguyên	K2019B	Tày	2.18	6.36	83	Tốt	Trung bình
368	195115D409	PHÙNG THỊ THU PHƯƠNG G	23/02/2001	Nữ	Hà Nội	K2019D	Kinh	2.17	6.52	87	Tốt	Trung bình
369	195115D351	NGUYỄN THÚY NGÂN	12/10/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019D	Kinh	2.17	6.51	84	Tốt	Trung bình
370	195115E442	NGUYỄN VĂN TÙNG	07/08/1981	Nam	Hà Nội	K2019E	Kinh	2.17	6.49	72	Khá	Trung bình
371	195115D366	TRẦN VIỆT CƯỜNG	27/01/2001	Nam	Nghệ An	K2019D	Kinh	2.17	6.48	79	Khá	Trung bình
372	195115A037	NGUYỄN THỊ THUY LINH	18/11/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019A	Kinh	2.17	6.46	84	Tốt	Trung bình
373	195115E448	TRẦN THỊ THUY DƯƠNG	28/06/1999	Nữ	Ninh Bình	K2019E	Kinh	2.17	6.45	85	Tốt	Trung bình
374	195115B117	NGUYỄN NHẬT LINH	01/01/2000	Nam	Nghệ An	K2019B	Kinh	2.17	6.43	82	Tốt	Trung bình
375	195115B201	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	17/12/2001	Nữ	Tuyên Quang	K2019B	Kinh	2.17	6.37	83	Tốt	Trung bình
376	195115A007	ĐỖ THANH HẢI	17/04/2000	Nữ	Lạng Sơn	K2019A	Nùng	2.16	6.52	88	Tốt	Trung bình
377	195115E479	NGUYỄN VĂN PHONG	10/11/2001	Nam	Hà Nội	K2019E	Kinh	2.16	6.47	84	Tốt	Trung bình
378	195115C233	ĐỖ MẠNH TÙNG	17/05/2001	Nam	Ninh Bình	K2019C	Kinh	2.16	6.45	88	Tốt	Trung bình
379	195115E456	VŨ THỊ MAI HUẾ	01/11/2001	Nữ	Bắc Ninh	K2019E	Kinh	2.15	6.42	87	Tốt	Trung bình
380	195115C281	NGÔ QUANG TÂN	21/04/2001	Nam	Bắc Ninh	K2019C	Kinh	2.14	6.46	88	Tốt	Trung bình
381	195115E490	DƯƠNG TRẦN VĨ LONG	03/05/2001	Nam	Tuyên Quang	K2019E	Kinh	2.14	6.41	82	Tốt	Trung bình
382	195115D339	HUỲNH VĂN CHIÊU BÌNH	01/10/2001	Nam	Đà Nẵng	K2019D	Kinh	2.13	6.41	85	Tốt	Trung bình

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC	ĐIỂM TBC			
								Thang 4	Thang 10			
383	195115C288	PHẠM HOÀNG ANH	27/02/2001	Nữ	Thanh Hóa	K2019C	Kinh	2.12	6.48	81	Tốt	Trung bình
384	195115C228	LÝ PHƯƠNG THẢO	23/11/2001	Nữ	Cao Bằng	K2019C	Nùng	2.12	6.41	82	Tốt	Trung bình
385	195115E486	VŨ THỊ THUY TRANG	07/12/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019E	Kinh	2.10	6.34	85	Tốt	Trung bình
386	195115A021	DƯƠNG HOÀNG THÀNH	05/12/2001	Nam	Hà Nội	K2019A	Kinh	2.10	6.33	84	Tốt	Trung bình
387	195115C308	TRẦN VŨ TRỌNG	24/06/2001	Nam	Ninh Bình	K2019C	Kinh	2.10	6.32	82	Tốt	Trung bình
388	195115E493	NGUYỄN ĐÌNH DU	10/08/2000	Nam	Hải Phòng	K2019E	Kinh	2.08	6.37	79	Khá	Trung bình
389	195115A068	PHẠM THỊ NGỌC MAI	08/04/2001	Nữ	Ninh Bình	K2019A	Kinh	2.08	6.28	81	Tốt	Trung bình
390	195115A002	MAI THỊ NGỌC ANH	12/12/2001	Nữ	Thanh Hóa	K2019A	Kinh	2.06	6.28	84	Tốt	Trung bình
391	195115A071	VŨ QUỲ ANH	19/07/2001	Nam	Thái Nguyên	K2019A	Nùng	2.06	6.22	82	Tốt	Trung bình
392	195115A075	NGUYỄN THỊ THU	19/11/2001	Nữ	Hung Yên	K2019A	Kinh	2.05	6.26	85	Tốt	Trung bình
393	195115B112	LÊ THỊ MINH HÒA	25/08/2001	Nữ	Thái Nguyên	K2019B	Kinh	2.04	6.28	82	Tốt	Trung bình

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NGHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2844/QĐ-HVVDCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
1	185115D422	ĐỖ NGỌC QUỲNH	04/03/2000	Nữ	Thành phố Hải Phòng	K2018D	Kinh	2.05	6.26	84	Tốt	Trung bình
2	185115A091	LÊ VIỆT TÀI	28/03/2000	Nam	Tỉnh Phú Thọ	K2018A	Kinh	2.05	6.16	82	Tốt	Trung bình
3	185115E522	NGUYỄN VĂN HIỆU	27/06/2000	Nam	Thành phố Hà Nội	K2018E	Kinh	2.02	6.12	83	Tốt	Trung bình
4	185115A016	NGUYỄN NGỌC CHUÔNG	15/09/2000	Nam	Tỉnh Phú Thọ	K2018A	Kinh	2.01	6.20	88	Tốt	Trung bình
5	185115A004	NGUYỄN QUANG ANH	06/06/2000	Nam	Thành phố Hà Nội	K2018A	Kinh	2.00	6.12	86	Tốt	Trung bình

لجاء



PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ Y TẾ

HỌC VIỆN Y-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, KHOA: 2017, NGÀNH: Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Kèm theo Quyết định số 284/QĐ-HVYDCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
1	1752010368	HỒ THỊ MINH KHÁNH	07/08/1998	Nữ	Tỉnh Nghệ An	K2017D	Kinh	2.52	6.92	79	Khá	Khá
2	1752010476	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	26/05/1999	Nữ	Thành phố Hải Phòng	K2017E	Kinh	2.04	6.12	84	Tốt	Trung bình
3	1752010501	TRẦN THÚY HẠNH	12/11/1999	Nữ	Tỉnh Sơn La	K2017E	Kinh	2.00	6.14	84	Tốt	Trung bình

Y

GIAM ĐỐC

HỌC VIỆN

Y - DƯỢC

HỌC CỔ TRUYỀN

VIỆT NAM

PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC VIỆN Y-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

BỘ Y TẾ

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, KHOA: 2016, NGÀNH: Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Kèm theo Quyết định số 284/QĐ-HVYDCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
1	1652010035	Tạ Thị Tuyết Mai	20/07/1998	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	K2016A	Kinh	2.04	6.18	77	Khá	Trung bình
2	1652010171	Nguyễn Nhật Minh	24/10/1998	Nam	Tỉnh Phú Thọ	K2016B	Kinh	2.02	6.17	67	Khá	Trung bình
3	1652010116	Đoàn Hoàng Giang	12/01/1996	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K2016B	Kinh	2.00	6.00	75	Khá	Trung bình

Y GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN
Y - DƯỢC
HỌC CỔ TRUYỀN
VIỆT NAM

PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy